

Bản án số: 323/2023/HS-PT

Ngày: 18-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Lương Toàn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Viết Hùng

Bà Phạm Uyên Thy

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tân – thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Đăng Khương - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 247 /HSPT ngày 18 tháng 07 năm 2023 đối với bị cáo **Mai Xuân T** và đồng phạm do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với bản án hình sự sơ thẩm số 66/2023/HSST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo bị kháng nghị:

1. **MAI XUÂN THÀNH**; Giới tính: Nam; Sinh năm: 9/5/1986 tại: Bình Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: B12A05 **chung cư Đ, số B T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh**; Chỗ ở: B12A05 **chung cư Đ, số B T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh**; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kế toán; Con ông **Mai Xuân H** và bà **Phan Thị Mỹ T1**; Vợ: **Thái Thị D**, sinh năm 1991; Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2019 Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày **05/12/2020** đến ngày 30/4/2021 thì thay đổi biện pháp ngăn chặn sang **C** đi khỏi nơi cư trú;

2. **NGUYỄN THÀNH VĂN**; Giới tính: Nam; Sinh năm: 10/1/1989 tại: Bình Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 6.19 Cao ốc **Ngô Gia T2**, chung cư N, phường B, Quận A Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Căn hộ B.09 chung cư C V, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tài xế xe ôm công nghệ; Con ông **Nguyễn Hồng H1**, sinh năm 1945 và bà **Phan Thị T3**, sinh năm 1945; Vợ: **Vương Ngọc T4**, sinh năm 1990; Con: 01 người, sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 05/12/2020 đến ngày 30/4/2021 thì thay đổi biện pháp ngăn chặn sang Cấm đi khỏi nơi cư trú;

Ngoài ra vụ án còn có các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác, xét việc giải quyết kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không liên quan đến những người này nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Xuân T và **Nguyễn Duy V** là bạn bè quen biết nhau từ trước, **Nguyễn Thành V1** là anh họ của **Mai Xuân T**. Khoảng cuối năm 2015, **T** nảy sinh ý định thành lập nhiều công ty để bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) thu lợi bất chính tại căn hộ B.05 chung cư Đ số B T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ khoảng cuối năm 2015 đến 20/11/2020, **Mai Xuân T** thuê dịch vụ đăng ký thành lập nhiều công ty, làm các thủ tục đặt in, đăng ký phát hành hóa đơn GTGT và đăng ký mở tài khoản ngân hàng cho các công ty này (để nhận tiền chuyển khoản thanh toán hợp thức hóa cho nội dung ghi trên hóa đơn đã bán từ các công ty mua hóa đơn).

Để bán trái phép hoá đơn GTGT, **T** thuê **V** thực hiện việc lập không nội dung các hóa đơn GTGT, thuê **V1** làm các thủ tục hợp thức hóa thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn không được bán ra. Quá trình bán trái phép hóa đơn diễn ra liên tục đến khoảng tháng 3/2020 thì **T** thuê thêm **Lê Hoàng Nhất T5** làm các thủ tục nộp, rút tiền qua ngân hàng để hợp thức hóa các hóa đơn không. **T** trực tiếp trả công cho **V**, **V1** và **Nhất T5**.

Từ khoảng cuối năm 2015 đến 20/11/2020, **T** đã thuê dịch vụ đăng ký thành lập được 35 công ty để bán trái phép hóa đơn GTGT gồm:

STT	Tên công ty	Mã số thuế	Số tài khoản ngân hàng	Tên ngân hàng
1	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vận tải giao nhận Phú Cường	031517173 9	21038068900004 6	Eximbank CN Bình Tân
2	Công ty TNHH TM DV Kỹ Thuật Duy Hoàn	031509523 8	21031485103174 1	Eximbank CN Bình Tân
3	Công ty TNHH TMDV Xây dựng Lộc Hồng Phát	031561509 2	21038068961509 2	Eximbank CN Bình Tân
4	Công ty TNHH TMDV Quảng cáo truyền thông Cao Vũ	031512795 5	21038068900009 7	Eximbank CN Bình Tân
5	Công ty TNHH TMDV Minh Thành Tiến	031509392 1	21031485103172 4	Eximbank CN Bình Tân
6	TNHH TMDV tư vấn thiết kế xây dựng Trần Nam	031532777 8	21038068900009 1	Eximbank CN Bình Tân
7	Công ty TNHH SX TM DV Tấn Nghĩa	031431850 9	21031485103186 4	Eximbank CN Bình Tân
8	Công ty TNHH TM DV xây dựng vận tải Hồng Nguyên	031218070 3	14091485103124 0	Eximbank CN Nguyễn Sơn
9	Công ty TNHH Thương mại xây dựng Vận tải Nguyễn Hoàng	031459368 9	14091485103111 4	Eximbank CN Nguyễn Sơn
10	Công ty TNHH Xây dựng vật tư Linh Trung	031406825 6	14091485103109 8	Eximbank CN Nguyễn Sơn
11	Công ty TNHH TMDV	030996606	14091485103038	Eximbank

	Đầu tư xây dựng Lạc Hồng	0	4	CN Nguyễn Sơn
12	Công Ty TNHH TMDV Trường Phúc Lâm	0314977879	140914851031268	Eximbank CN Nguyễn Sơn
13	Công Ty TNHH TMDV Xuất Nhập Khẩu Xuân Bình	0313395691	140914851030213	Eximbank CN Nguyễn Sơn
14	Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Đăng Nguyên (Thanh Lam cũ)	0304729588	140414851035387	Eximbank CN Cộng Hòa
15	Công ty TNHH TMDV Quảng cáo truyền thông Linh Giang	0310185569	140414851032404	Eximbank CN Cộng Hòa
16	Công ty TNHH SX TMDV xuất nhập khẩu may mặc Minh nguyệt	0312245284	140414851029228	Eximbank CN Cộng Hòa
17	Công ty TNHH Sản xuất thương mại vận tải Hưng Cường	0312371987	140414851035390	Eximbank CN Cộng Hòa
18	Công Ty TNHH MTV TM Xây Dựng Vận Tải Đức Linh	0306148010	140414851030354	Eximbank CN Cộng Hòa
19	Công Ty TNHH TMDV Tân Giang	0313739180	210214851031661	Eximbank CN Tân Sơn Nhất
20	Công ty TNHH TM DV XNK May Mặc Phúc Trung	0313019249	210214851031658	Eximbank CN Tân Sơn Nhất
21	Công Ty TNHH TMDV Xây Dựng Kiến Trúc Đình Vũ	0315319294	101280689000045	Eximbank CN Q.10
22	Công ty TNHH TM DV	031617728	20845260001	SCB Quận 1

	Thiên Phú Thành Phát	2		
23	Công ty TNHH TM DV Vận Tải Bắc Bình An	031561506 0	000000697308	Vietbank Sóc Trăng
24	Cty TNHH TM ĐT XD Quốc Trường	031534704 4	14110000442344	BIDV
25	Công ty TNHH TM DV Giao nhận Vận tải Quốc Thịnh	031283845 3	Không xác định	
26	Công ty TNHH DV Phong Vĩnh	031203207 8	Không xác định	
27	Công ty TNHH TM DV XNK Đồng Tâm	031164730 4	Không xác định	
28	Công ty TNHH TM DV Hưng An Phú	031288505 1	Không xác định	
29	Công ty TNHH TM DV Ngọc Kim Long	031080218 7	Không xác định	
30	Công ty TNHH TM DV Lợi Lê	031148380 0	Không xác định	
31	Công ty TNHH TM ĐT XD Thùy Dương	031044815 1	Không xác định	
32	Công ty TNHH TM DV An Phát Huy	031187881 6	Không xác định	
33	Công ty TNHH TM DV Quảng cáo truyền thông Tuấn Vũ	031346718 4	Không xác định	
34	Công ty TNHH TM DV Quảng cáo truyền thông	031629686 8	Không xác định	

	Phúc Hưng			
35	Công ty TNHH SX TM DV Đan Nguyên	0310989986	Không xác định	

Qua truy xét, Cơ quan điều tra đã thu giữ được tổng cộng 571 số (tờ) hóa đơn GTGT do các bị cáo trên mua bán, ghi đầy đủ nội dung xuất cho cho các công ty sau:

- Công ty TNHH S (Công ty S), địa chỉ: A C, Phường E, Quận C: 406 số hóa đơn GTGT;
- Công ty TNHH Q1 (Công ty Q1), địa chỉ: 2 N, phường T, quận T: 15 số hóa đơn GTGT;
- Công ty TNHH T10 (Công ty V4), địa chỉ: A đường số A, Khu đô thị L, phường A, Tp. : 19 số hóa đơn GTGT;
- Công ty TNHH M (Công ty M), địa chỉ: B Ấp B, xã P, huyện B: 21 số hóa đơn GTGT;
- Công ty TNHH T11 (Công ty T11): 79 số hóa đơn GTGT;
- Công ty TNHH T12 (Công ty T12), địa chỉ: G T, Phường A, Quận E: 31 số hoá đơn GTGT;

Quá trình điều tra xác định vai trò của các bị cáo trên như sau:

1. Bị cáo Mai Xuân T:

Mai Xuân T trực tiếp thuê dịch vụ làm các thủ tục: Đăng ký thành lập công ty, đăng ký mở tài khoản ngân hàng, đăng ký in và phát hành hóa đơn. Sau khi đã có hóa đơn GTGT chưa ghi nội dung, T điều hành toàn bộ hoạt động bán trái phép hóa đơn ra thị trường thu lợi bất chính. T trực tiếp thuê và trả công cho Nguyễn Duy V, Nguyễn Thành V1 và Lê Hoàng Nhất T5.

Mai Xuân T cho biết: Trong số 35 công ty nói trên, T đã bán lại cho Võ Thị Ngọc H2 07 công ty gồm: Trường P, Đình V2, Duy H3, Linh T6, Trần N, Minh Thành T7 và Nguyễn H4. T khai chỉ bán trái phép hóa đơn GTGT của 28 công ty còn lại. Khi có khách liên hệ mua hóa đơn GTGT, T chỉ đạo Vũ lập không nội dung lên hóa đơn và lập các hợp đồng kinh tế không để giao cho khách. Sau đó, T tiếp tục chỉ đạo Nguyễn Thành V1 và Lê Hoàng Nhất T5 làm các thủ tục thanh toán qua ngân hàng để hợp thức hóa cho những hóa đơn không được bán ra. Toàn bộ hóa đơn không được bán ra đều đã ghi đầy đủ nội dung. Mỗi số (tờ) hóa đơn không bán ra T thu lợi riêng từ 1 - 2% trên tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi trên hóa đơn.

Đối với số hoá đơn GTGT mà Cơ quan điều tra thu giữ được, xác định số tiền **T** thu lợi được như sau:

- 406 số hóa đơn xuất cho công ty S: thu lợi 1.577.450.739 đồng.
- 15 số hóa đơn xuất cho công ty Q1: thu lợi 73.208.360 đồng.
- Trong số 19 hoá đơn xuất cho công ty T10, **T** đã bán cho **V1** 17 số thu lợi 43.830.676 đồng.
- 21 số hoá đơn xuất cho công ty M thu lợi: 89.404.546 đồng.
- 79 số hoá đơn xuất cho công ty T11 thu lợi: 111.653.716 đồng.
- 31 số hoá đơn xuất cho công ty T12 thu lợi: 9.202.200 đồng.

Tổng số tiền **T** thu lợi được từ việc bán trái phép 569 số hoá đơn trên là 1.904.750.237 (một tỷ chín trăm lẻ bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn hai trăm ba mươi bảy) đồng.

* Đối với số hoá đơn GTGT Thành bán trái phép mà chưa thu giữ được, xác định số tiền **T** thu lợi như sau:

Cơ quan điều tra xác định được 24 tài khoản ngân hàng của 24 công ty (trong số 35 công ty nói trên) được **T** sử dụng để bán trái phép hóa đơn, gồm 07 tài khoản đã bán cho **H2** và 17 tài khoản **T** sử dụng để bán hóa đơn. Căn cứ số liệu 17 tài khoản mà **T** sử dụng, xác định: Tổng số tiền các công ty thụ hưởng hóa đơn chuyển vào để tạo chứng từ thanh toán cho các hóa đơn không là 890.889.041.603 đồng. Số tiền này tương ứng với tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ có thuế của toàn bộ các hóa đơn không do 17 công ty trên bán ra. Qua đó xác định tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa thuế của toàn bộ các hóa đơn không do 17 công ty trên bán ra là 809.899.128.730 đồng (trong đó có giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa thuế của 558/569 số hóa đơn mà **T** đã bán). Tính theo lợi nhuận **T** thu được từ 1% đến 2% trên tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi trên hóa đơn thì số tiền **T** thu lợi sẽ là 8.098.991.287 đồng đến 16.197.982.575 đồng;

Qua điều tra đã xác định, trong số 569 số hóa đơn mà **T** bán có giao dịch qua 17 tài khoản **T** sử dụng là 558 số hóa đơn, có giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 93.760.180.820 đồng (02% trên tổng giá trị chưa thuế ghi trên hoá đơn), còn 11 số hóa đơn thì **T** không giao dịch qua các tài khoản này. Từ đó, đủ cơ sở xác định tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa thuế đối với các hóa đơn không thu giữ được là $809.899.128.730 - 93.760.180.820 = 716.138.947.910$ đồng;

Ngoài ra, quá trình điều tra xác định **Mai Xuân T** có hành vi tiêu hủy chứng cứ liên quan đến hành vi bán trái phép hóa đơn. Theo đó, vào khoảng 18 giờ ngày 21/11/2020, sau khi biết cơ quan điều tra khám xét nhà riêng của **Nguyễn Thành V1**, **T** thuê tài xế **Trần Quốc Q** điều khiển xe ô tô biển số 86A- 078.57 đến trước

hẻm B Hòa Bình, phường H, quận T đón Nguyễn Duy V và đem toàn bộ tài liệu, đồ vật liên quan đến việc bán trái phép hóa đơn đưa đến tỉnh Bình Thuận để tiêu hủy. Khi đến nhà Q tại số H đường C - ĐT720, thôn A, xã G, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, T và V đã đốt toàn bộ hóa đơn GTGT (chưa ghi nội dung và đã ghi nội dung) cùng một số tài liệu khác; còn lại hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp và hồ sơ đăng ký in - phát hành hóa đơn thì T và V chôn trong vườn nhà Q. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy xét, khám xét khẩn cấp tại địa chỉ trên thu giữ được hồ sơ đăng ký thành lập công ty kèm theo hồ sơ đăng ký in - phát hành hóa đơn GTGT của những công ty này.

Do toàn bộ sổ sách ghi chép số tiền thu lợi đã bị T tiêu hủy, dữ liệu tin nhắn điện thoại thể hiện việc mua bán trái phép hóa đơn đã bị T xóa hết, không phục hồi được nên không xác định được cụ thể tổng số hóa đơn T đã bán và tổng số tiền T thu lợi mà chỉ xác định được tổng giá trị chưa thuế ghi trên các hóa đơn mà T đã bán. Do đó, để đảm bảo xử lý khách quan, có lợi cho bị can, Cơ quan điều tra xác định: Đối với số hóa đơn mà T đã bán nhưng chưa thu giữ được, xác định số tiền T thu lợi từ bán số hóa đơn này là 1% trên tổng giá trị chưa thuế ghi trên hóa đơn, cụ thể là 7.161.389.479 (bảy tỷ một trăm sáu mươi một triệu ba trăm tám mươi chín ngàn bốn trăm bảy mươi chín) đồng.

Trên cơ sở đó xác định tổng số tiền Mai Xuân T đã thu lợi bất chính từ việc bán trái phép hóa đơn GTGT là $1.904.750.237 + 7.161.389.479 = 9.066.139.716$ (chín tỷ không trăm sáu mươi sáu triệu một trăm ba mươi chín ngàn bảy trăm mười sáu) đồng.

2. Bị cáo Nguyễn Thành V1:

Nguyễn Thành V1 được Mai Xuân T thuê làm các thủ tục hợp thức hóa thanh toán qua ngân hàng phục vụ việc bán trái phép hóa đơn của T và được trả công 0,1% trên tổng giá trị số tiền dùng để hợp thức hóa thanh toán qua ngân hàng. Ngoài ra, V1 còn trực tiếp mua hóa đơn khống của Mai Xuân T và Võ Thị Ngọc H2 để bán lại kiếm lời, đồng thời tự thực hiện các giao dịch rút tiền chuyển trả lại cho khách mua hóa đơn của V1.

Nguyễn Thành V1 khai nhận đã trực tiếp mua của T và H2 được khoảng 700-800 số hóa đơn GTGT để bán lại kiếm lời, đồng thời làm thủ tục hợp thức hóa thanh toán qua ngân hàng cho T được khoảng 300 - 400 số hóa đơn và cho H2 được khoảng 200 - 300 số hóa đơn. Hóa đơn khống V1 mua của T và H2 giá khoảng 2% trên tổng giá trị chưa thuế ghi trên hóa đơn, bán lại với giá từ 3 - 3,2%

trên tổng giá trị chưa thuế ghi trên hóa đơn, thu lợi được khoảng từ 1 - 1,2% trên tổng giá trị chưa thuế ghi trên hóa đơn.

Trong số 571 số hóa đơn GTGT thu giữ được, Cơ quan điều tra xác định **Nguyễn Thành V1** đã trực tiếp mua bán trái phép 492 số hóa đơn GTGT và thu lợi như sau:

- 406 số hóa đơn GTGT xuất cho **công ty S**, thu lợi 788.725.369 đồng;
- 15 số hóa đơn GTGT xuất cho **công ty Q1**, thu lợi 36.604.180 đồng;
- 19 số hóa đơn GTGT xuất cho **công ty T10** (trong đó có 17 hóa đơn mua lại của **Mai Xuân T** và 02 hóa đơn mua lại của **Võ Thị Ngọc H2**), thu lợi 24.793.338 đồng;

- 21 số hóa đơn GTGT xuất cho **công ty M**, thu lợi 44.702.273 đồng;

- 31 số hoá đơn GTGT xuất cho **công ty T12**, thu lợi 4.601.100 đồng;

Ngoài ra, **V1** còn được **Mai Xuân T** trả công 5.000.000 đồng cho việc hợp thức thanh toán qua **ngân hàng Đ** số hoá đơn xuất cho **công ty T11**.

Trên cơ sở đó, xác định tổng số tiền **Nguyễn Thành V1** thu lợi từ việc mua bán 492 số hoá đơn GTGT và giúp sức cho **T** bán 79 số hoá đơn (xuất cho **công ty T11**) là: 904.426.260 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện hành vi, để tránh bị phát hiện, khoảng cuối năm 2015, **V1** lên mạng Internet đặt mua một chứng minh nhân dân (CMND) tên **Lê Văn T8** số 261147228 do **Công an tỉnh B** cấp ngày 07/10/2010, đã được thay ảnh của **V1** vào và mạo danh **T8** sử dụng CMND này làm các thủ tục rút tiền hợp thức hóa hóa đơn tại ngân hàng. Quá trình điều tra xác định CMND này đã bị sửa chữa thay ảnh, **V1** đã nhiều lần sử dụng CMND này để hoạt động phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước”.

Theo bản kết luận giám định số 1346/KLGD-TT ngày 03/3/2021 của **Phòng K Công an thành phố H** xác định:

- Bản in, hình dấu tròn, dấu chữ ký trên CMND này là thật;
- CMND này đã bị thay đổi ảnh;
- Nội dung trên CMND này không bị tẩy xóa, sửa chữa;

3. Bị cáo **Nguyễn Thị Yến N1**:

Nguyễn Thị Yến N1 là kế toán của **Công ty TNHH S** do **Trần Thị Ngọc V3** điều hành, quản lý. Theo sự điều hành của **V3**, Như trực tiếp liên hệ, giao dịch mua bán với **Nguyễn Thành V1** để mua 406 số hóa đơn giá trị gia tăng khống cho **Công ty S**, dùng để hợp thức hóa các hàng hóa không có hóa đơn chứng từ do **Công ty S** mua trôi nổi ngoài thị trường. Toàn bộ hóa đơn khống mua vào của **Công ty S** đã được Như kê khai thuế tại **Chi cục thuế Q2**;

Ngoài ra, Nguyễn Thị Yến N1 còn mua hóa đơn GTGT không của Nguyễn Thành V1 để bán lại cho các công ty khác kiếm lời, cụ thể:

- Công ty Q1: 15 số hóa đơn GTGT, Như thu lợi 203.019.910 đồng;
- Công ty T10: 19 số hóa đơn GTGT, Như thu lợi 123.966.689 đồng;
- Công ty M: 21 số hóa đơn GTGT. Số hoá đơn này Như mua giúp cho Võ Văn T9 là kế toán công ty M nên không thu lợi;
- Công ty T12: 31 số hóa đơn GTGT, Như thu lợi 23.005.500 đồng;
- Công ty V5 (địa chỉ: đường số F, phường T, quận T): Khoảng 6-8 số hoá đơn GTGT, Như thu lợi 20 triệu đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Thị Yến N1 thu lợi được là 369.992.099 đồng;

Ngày 05/07/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã ra Quyết định khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Thị Yến N1. Tuy nhiên, N1 đã đi khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã đến ngày 18/04/2022 thì bị bắt giữ.

Đối với Lê Hoàng Nhất T5 và Nguyễn Duy V: Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Duy V và Lê Hoàng Nhất T5 về tội “Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước”. Tuy nhiên, V và T5 đã bỏ đi khỏi nơi cư trú nên chưa thi hành lệnh bắt được. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an quận T đã tách vụ án, ra Quyết định truy nã và tạm đình chỉ điều tra bị can đối với V, và T5 khi nào bắt được sẽ phục hồi điều tra xử lý sau.

Đối với các công ty mua, sử dụng hóa đơn không của Nguyễn Thành V1 và Mai Xuân T gồm: Công ty TNHH S; Công ty TNHH Q1; Công ty TNHH T10; Công ty TNHH M có dấu hiệu trốn thuế nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã thông báo việc trên đến các Cơ quan Cảnh sát điều tra các Quận để điều tra theo thẩm quyền.

Riêng những công ty khác sử dụng hóa đơn không mà Cơ quan điều tra chưa xác định được: Cơ quan điều tra đã gửi Công văn số 302/ĐCSKT ngày 31/12/2020 đến T13 - Bộ T14 đề nghị hỗ trợ cung cấp thông tin các công ty thụ hưởng hóa đơn của những công ty trên. Tuy nhiên, T13 có văn bản phúc đáp số 113/TCT- TTKT ngày 13/01/2021 cho biết: Vì quy định của Luật Quản lý thuế không bắt buộc doanh nghiệp phải nộp bảng kê nên Tổng cục thuế không xác định được các đơn vị sử dụng hóa đơn không của những công ty trên. Cơ quan Công an quận T đã gửi thông báo kết quả điều tra đến T13 để phối hợp xử lý các đơn vị sử dụng hóa đơn không của những công ty trên theo quy định.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 66/2023/HSST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Mai Xuân T** phạm tội: “Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước”; Bị cáo **Nguyễn Thành V1** phạm tội: “Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước” và tội: “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm d, đ Khoản 2 Điều 203; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo: **Mai Xuân T** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù;

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, khấu trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 05/12/2020 đến ngày 30/4/2021).

Căn cứ điểm d, đ Khoản 2 Điều 203; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Thành V1** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước*”

Căn cứ Khoản 1 Điều 340; Điều 35; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Thành V1** số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng về tội “*Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức*”

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, khấu trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 05/12/2020 đến ngày 30/4/2021).

Ngoài ra bản án còn tuyên xử đối với bị cáo khác về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 29/6/2023 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành quyết định kháng nghị số 36/QĐ-VKS kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm số 66/2023/HSST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo **Mai Xuân T** và **Nguyễn Thành V1**.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã nêu, các bị cáo cho rằng bản án sơ thẩm của tòa án nhân

dân quận Tân Phú đã xét xử đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, mức hình phạt là phù hợp nên đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên bản án hình sự của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đưa ra ý kiến phát biểu như sau: Bản án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã xét xử bị cáo là đúng người đúng tội, tuy nhiên việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định các bị cáo **T** và **V1** đã tự nguyện nộp một phần tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả và áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo là chưa đúng quy định pháp luật, mức hình phạt mà tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo **Mai Xuân T**, **Nguyễn Thành V1** là chưa nghiêm, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa bản án sơ thẩm, không áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo **Mai Xuân T** và **Nguyễn Thành V1**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]Về thủ tục tố tụng: Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]Về hành vi, tội danh: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo **Mai Xuân T**, **Nguyễn Thành V1** thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm của tòa án nhân dân quận Tân Phú đã xét xử đối với bị cáo, theo đó

Từ cuối năm 2015 đến ngày 20/11/2020 **Mai Xuân T** đã thuê dịch vụ làm các thủ tục: Đăng ký thành lập công ty, đăng ký mở tài khoản ngân hàng, đăng ký in và phát hành hóa đơn tại địa chỉ là căn hộ B12A.05 chung cư Đ số B T, phường H, quận T. Sau khi đã có hóa đơn GTGT (chưa ghi nội dung), **T** điều hành toàn bộ hoạt động bán trái phép hóa đơn ra thị trường thu lợi bất chính. **Nguyễn Thành V1** được **Mai Xuân T** thuê làm các thủ tục hợp thức hóa thanh toán qua ngân hàng phục vụ việc bán trái phép hóa đơn của **T** và được trả công khoảng 0,1% trên tổng giá trị số tiền dùng để hợp thức hóa thanh toán qua ngân hàng. Ngoài ra, **V1** còn trực tiếp mua hóa đơn khống của **Mai Xuân T** và **Võ Thị Ngọc H2** để bán lại kiếm lời, đồng thời tự thực hiện các giao dịch rút tiền chuyển trả lại cho khách mua hóa

đơn của V1. Nguyễn Thành V1 còn có hành vi Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức để thực hiện hành vi phạm tội. Theo đó, Mai Xuân T đã có hành vi mua bán trái phép 569 hóa đơn (đã thu giữ được) và các hóa đơn (không thu giữ được) dựa trên số liệu 17 tài khoản mà T sử dụng đã thu lợi số tiền bất chính là 9.066.139.716 đồng; Nguyễn Thành V1 đã có hành vi mua bán trái phép 492 số hóa đơn GTGT và giúp sức cho T bán 79 số hóa đơn đã thu lợi bất chính số tiền là 904.426.260 đồng.

Bản án sơ thẩm của tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo bị cáo Mai Xuân T về tội: “Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước”; Bị cáo Nguyễn Thành V1 về tội: “Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước” và tội: “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức” là đúng người, đúng tội không oan sai.

[3]Về nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy: Việc Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm đã nhận định trong quá trình chuẩn bị xét xử, các bị cáo T và V1 đã tự nguyện nộp một phần tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả và áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật vì việc các bị cáo nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính không phải là tình tiết người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà chỉ được xem xét là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt đối với các bị cáo: Hội đồng xét xử xét mặc dù các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như các bị cáo đã tự nguyện nộp một phần tiền thu lợi bất chính, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo T có bà ngoại là Phạm Thị L được Chủ tịch nước tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng, bị cáo T đầu thú; bị cáo V1 có hoàn cảnh gia đình khó khăn, các bị cáo phạm tội lần đầu, tuy nhiên mức hình phạt mà tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo là chưa nghiêm, chưa tương xứng, phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm, không áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo Mai Xuân T và Nguyễn Thành V1.

Nhận định trên cũng là nhận định của Hội đồng xét xử để không chấp nhận đề nghị của các bị cáo tại phiên tòa.

[4] Các bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án hình sự sơ thẩm 66/2023/HSST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ điểm d, đ Khoản 2 Điều 203; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo: Mai Xuân T 02 năm tù về tội: “Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước”; Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, khấu trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 05/12/2020 đến ngày 30/4/2021).

Căn cứ điểm d, đ Khoản 2 Điều 203; Khoản 1 Điều 340; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thành V1 01 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước”, 09 tháng tù về tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm 03 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, khấu trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 05/12/2020 đến ngày 30/4/2021).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao
- TAND Cấp cao tại TP . HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- THA quận Tân Phú;
- TAND quận Tân Phú;
- Công an quận Tân Phú;

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- (1)
- (1)
- (3)
- (1)
- (1)
- (1)
- (1)

- Bị cáo; (3)
- Phòng PC 53 – CA TP . HCM; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu, hình sự, hồ sơ. (25) (3)

Phạm Lương Toàn